

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;
Căn cứ Nghị định 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;
Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;
Xét Tờ trình số 4144/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập (sau đây gọi là cơ sở giáo dục công lập).

b) Người học trong cơ sở giáo dục công lập quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Nguyên tắc thực hiện

Các cơ sở giáo dục thực hiện thu đúng; thu vừa đủ chi; chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Trước khi thu phải có dự toán chi tiết thu, chi từng khoản; chỉ được thu sau khi đã thỏa thuận với cha mẹ học sinh. Mức thu không vượt quá mức thu tối đa quy định tại Nghị quyết này.

4. Mức thu

a) Quy định mức thu giá dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập (*chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm*).

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh (*chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

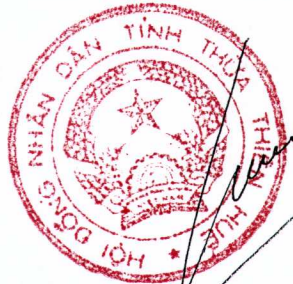
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 5 thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2022./.

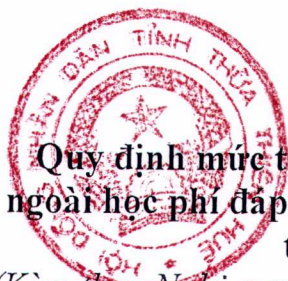
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp
- Các Bộ: Tài chính; Giáo dục và Đào tạo;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các cv;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu



Phụ lục 01

Quy định mức thu giá dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Nghị quyết số: 05 /2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (đồng)
1	Dịch vụ bán trú		
a	Tiền ăn bán trú (bao gồm tiền ăn trưa, ăn nhẹ (hoặc thức uống) bổ sung dinh dưỡng cho trẻ, học sinh vào buổi chiều và tiền chất đốt)	đồng /trẻ, học sinh/ngày	Từ 16.000 đến 30.000
b	Dịch vụ nấu ăn và chăm sóc trẻ, học sinh (Bao gồm: tiền thuê khoán nấu ăn; chi bồi dưỡng chăm sóc trẻ, học sinh buổi trưa, quản lý, người phục vụ ăn uống; chi phí điện, nước, vệ sinh bán trú)		
	- Cơ sở giáo dục Mầm non	đồng/trẻ/tháng	250.000
	- Cơ sở giáo dục Tiểu học	đồng/học sinh/tháng	180.000
c	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho trẻ, học sinh bán trú (xà phòng rửa tay, kem đánh răng, bàn chải, khăn mặt, giường, chiếu, chăn, gối, mùng/màn, tô, chén, đĩa, đũa muống và các vật dụng cần thiết khác)		
	- Đối với trẻ, học sinh mới tuyển sinh hoặc trang bị lần đầu	đồng/ trẻ, học sinh/năm học	300.000
	- Trang bị hàng năm	đồng/ trẻ, học sinh/năm học	150.000
2	Hỗ trợ tiền nước uống		
	- Đối với các trường chưa được đầu tư hệ thống lọc nước tinh khiết	đồng /trẻ, học sinh/tháng	10.000
	- Đối với các trường đã được đầu tư hệ thống lọc nước tinh khiết	đồng /trẻ, học sinh/tháng	3.000
3	Hỗ trợ làm vệ sinh trường học, khu vệ sinh	đồng/trẻ, học sinh/tháng	10.000

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (đồng)
4	Dịch vụ giáo dục ngoài giờ chính khóa		
a	Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ vào các ngày nghỉ, kỳ nghỉ hè (đã bao gồm: tiền thuê khoán nấu ăn; chi bồi dưỡng chăm sóc trẻ buổi trưa, quản lý, người phục vụ ăn uống; chi phí điện, nước, vệ sinh; không bao gồm tiền ăn bán trú của trẻ)	đồng/trẻ/ngày	45.000
b	Dạy học môn văn hoá tăng cường, phát triển năng lực theo môn học đối với cấp trung học; kỹ năng sống; các môn học năng khiếu theo nhu cầu người học (bóng đá, cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, bóng rổ, đá cầu, bơi lội, võ thuật, âm nhạc, mỹ thuật, múa, thể dục nhịp điệu, các môn điền kinh) ở các cấp, bậc học; làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo		
	- Mầm non	đồng/trẻ/giờ	7.000
	- Phổ thông	đồng/học sinh/tiết	6.000
5	Giấy kiểm tra, photo đề kiểm tra định kỳ		
a	Cấp học tiểu học	đồng/học sinh/năm học	30.000
b	Cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông	đồng/học sinh/năm học	55.000

Chú thích: Học sinh mỗi lớp học ở Mục 4 của Phụ lục 01 có không quá số lượng được quy định tại Điều lệ trường học ở các cấp, bậc học.



Phụ lục 02

Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh

(Kèm theo Nghị quyết số: 05 /2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung dịch vụ	Ghi chú
1	Áo quần đồng phục, áo quần thể thao, áo Đoàn thanh niên	
2	Bảng tên, logo của trường, sổ liên lạc, học bạ giấy, ghế ngồi chào cờ và các hoạt động ngoài lớp học	
3	Nhu cầu mua, chi phí lắp điều hòa, công tơ điện và tiền điện sử dụng điều hòa trong các lớp học	Lắp công tơ điện riêng, thu theo thực tế sử dụng điện và chi phí lắp điều hòa
4	Phôi liệu để thi môn Giáo dục nghề cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông	
5	Hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Căn cứ từng hoạt động để thỏa thuận mức thu
6	Dịch vụ đưa đón trẻ, học sinh từ nơi ở đến trường và ngược lại	